TAND HUYỆN TU **TỈNH LC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST Ngày 31-01- 2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Luyến
Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa: Ông Tòng Văn Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU tỉnh LC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm: 1986; Nơi ĐKHKTT: Bản NK, xã MK, huyện TU, tỉnh LC; *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Y, sinh năm: 1985; Nơi ĐKHKTT: Bản NK, xã MK, huyện TU, tỉnh LC; *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trương Thị L trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã MK, huyện TU, tỉnh LC. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị L và anh Y không đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng mười

năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoàng Văn Y sử dụng ma tuý, không chịu tu chí làm ăn, lao động, sản xuất, vun vén kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái, thường xuyên ghen tuông vô cớ với chị L. Chị L cùng hai bên gia đình nhiều lần động viên, nhắc nhở nhưng không thành dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Từ tháng 02/2022 đến nay chị L và anh Y không còn chung sống như vợ chồng. Chị Trương Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không công nhận chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y là vợ chồng và giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y có hai con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 13/8/2005 và cháu Hoàng Thị B, sinh ngày 21/4/2009. Cháu Hoàng Văn T đã thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Đối với con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Thị B, chị L có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bích và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Trương Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai anh Hoàng Văn Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn Y khẳng định về thời điểm sống chung và không có đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng mười năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L bỏ nhà đi làm thuê không được sự nhất trí của anh Yêu và có mối quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ và đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Do còn tình cảm với chị L và thương các con còn nhỏ nên anh Hoàng Văn Y không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh Hoàng Văn Y công nhận anh và chị L có hai con chung như chị L trình bày là đúng. Cháu Hoàng Văn T đã thành niên (đủ 18 tuổi), cháu Hoàng Thị B đang ở cùng với chị L. Ly hôn, anh Hoàng Văn Y có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Thị B và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Hoàng Văn Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện TU thụ lý vụ án và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện TU và đại diện hai bên gia đình anh Yêu, chị L xác định: Chị L, anh Yêu đã sống chung như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, hiện đang sinh sống và đăng ký thường trú tại bản NK, xã MK, huyện TU, tỉnh LC do anh Hoàng Văn Y là chủ hộ. Anh Hoàng Văn Y, chị Hoàng Thị L đều có nghề nghiệp là trồng trọt, mức thu nhập trung bình của lao

động cùng loại trên địa bàn xã MK là 4.000.000 đồng/tháng. Chị L và anh Yêu có hai con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 13/8/2005 (đã thành niên) và cháu Hoàng Thị B, sinh ngày 21/4/2009. Do các đương sự không thỏa thuận được việc nuôi con chưa thành niên là cháu Hoàng Thị B nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải về tranh chấp nuôi con khi ly hôn nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị Trương Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận chị L và anh Y là vợ chồng và không yêu cầu chia tài sản chung. Anh Hoàng Văn Y đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn Y không đồng ý ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị L. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L. Không công nhận chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Thị B, sinh ngày 21/4/2009 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị L xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký hết hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hoàng Văn Y có hộ khẩu thường trú tại bản NK, xã MK, huyện Than Uyên, tỉnh LC. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 26/01/2024, Toà án nhân dân huyện TU mở phiên toà lần thứ nhất, anh Hoàng Văn Y đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà, anh Hoàng Văn Y đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên toà và được thông báo về thời gian mở lại phiên toà. Ngày 31/01/2024, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Hoàng Văn Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Hoàng Văn Y.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện TU, tỉnh LC và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật cùng với phong tục tập quán hôn nhân gia đình lạc hậu nên anh chị vẫn tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ thời điểm đó đến nay anh chị vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Qua xác minh, kiểm tra sổ sách về việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã MK, huyện TU tại thời điểm anh Y, chị L sống chung không có thông tin đăng ký kết hôn của anh chị. Việc chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y sống chung như vợ chồng từ năm 2005 mà không đăng ký kết hôn là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận, vi phạm khoản 1 Điều 11, Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, đến thời điểm hiện tại anh chị vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặt khác, trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, các đương sự đưa ra nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do sử dụng ma tuý và ngoại tình nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và thực tế anh chị đã

không còn sống chung từ tháng 02/2022 đến nay. Do đó, chị L có yêu cầu giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận chị L và anh Yêu là vợ chồng nên Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để tuyên bố không công nhận chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y là vợ chồng.

[4]. Về nuôi con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 01 ngày 25/4/2006 và số 118 ngày 25/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã MK, huyện TU và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MK và nơi cư trú của các đương sự xác định:

Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y có hai con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 13/8/2005 và cháu Hoàng Thị B, sinh ngày 21/4/2009. Cháu Hoàng Văn T đã thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Xét về điều kiện, Anh Hoàng Văn Y và chị Trương Thị L đều có nơi cư trú tại bản NK, xã MK, huyện TU, tỉnh LC, có nhà ở ổn định; anh Yêu, chị L có nghề nghiệp là trồng trọt, mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại xã MK khoảng 3.000.000 đồng/tháng, có các điều kiện như nhau để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định cháu Hoàng Thị B đã 15 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện TU tiến hành hỏi ý kiến cháu Hoàng Thị B. Ý kiến cháu Bích muốn ở cùng với mẹ là chị Trương Thị L.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Hoàng Thị B hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và ý kiến của con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị L, giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Hoàng Thị B từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bích thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị L không yêu cầu anh Hoàng Văn Y cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Trương Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU về quan điểm giải quyết nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 1, 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị L và anh Hoàng Văn Y là vợ chồng.

3. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Thị B, sinh ngày sinh ngày 21/4/2009 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Anh Hoàng Văn Y có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Trương Thị L theo Quyết định của Tòa án. Chị Trương Thị L có quyền yêu cầu anh Hoàng Văn Y cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Hoàng Văn Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) . Xác nhận chị Trương Thị L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000753 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh LC;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện TU;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- UBND xã MK, huyện TU;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Quàng Thị Phương